

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-4-2021

V/v ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bội Hoàn

Bà Đoàn Huyền Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 234/2020/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021; Thông báo chuyển ngày xét xử số 02/2021/TB-TA ngày 08 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà H, sinh năm 1995; trú tại: số 113 N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông T, sinh năm 1993; trú tại: Thôn C3, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án bà H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 01/9/2015 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa.

Vợ chồng chung sống với nhau phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống; ông T không lo làm ăn, tụ tập bạn bè thường xuyên nhậu nhẹt, kiếm chuyện gây sự đánh đập bà H.

Từ cuối năm 2019 bà H và ông T không còn chung sống với nhau, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Nay bà H nhận thấy không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống với ông T nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn.

Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 26/01/2015, con chung hiện đang ở với ông T, khi ly hôn bà H để cho ông T nuôi con chung, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 15 tháng 4 năm 2021 ông T trình bày.*

Ông T và bà H chung sống với nhau từ năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C.

Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 7 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân, nay tình vợ chồng không còn, bà H yêu cầu ly hôn ông T đồng ý.

- Về con chung: Ông T và bà H có 01 con chung là Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 26/01/2015, con chung đang ở với ông T, sau khi ly hôn ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Giao các con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng; ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

- Về tài sản chung: Bà H và ông T không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; ông T yêu cầu được vắng mặt tại phiên toà. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Hoà, huyện Cam Lâm ngày 01/9/2015 theo Trích lục kết hôn số 431/TLKS-BS ngày 07/9/2020 của UBND xã C nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Vợ chồng chung sống với nhau do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên kinh cãi. Từ tháng 7 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của bà H và ông T là

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[3] Về con chung: Bà H và ông T có 01 con chung Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 26/01/2015. Con chung hiện đang sống với ông T; ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn; bà H đồng ý giao quyền nuôi con cho ông T. Vì vậy giao con chung cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với tự tế và ý kiến của các bên.

[4] Ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nhưng bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) nên ghi nhận sự tự nguyện của bà H.

[3] Về tài sản chung: Bà H, ông T không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Nguyễn Quốc H1, sinh ngày 26/01/2015 cho ông T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng) thời điểm cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: Bà H, ông T được quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0008359 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, bà H phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí.

5. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi Cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phi